

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS - ST
Ngày: 26 - 4 - 2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng đặt
cọc”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Thanh Mai và bà Nguyễn Thị Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Phan Mạnh Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST - DS ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tiểu khu 7, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 10 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Xuân H trình bày:

Do có nhu cầu mua xe bán tải để kinh doanh, thông qua sự giới thiệu của anh Võ Trung H1, anh Nguyễn Xuân H gặp anh Nguyễn Văn Đ ở xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch để mua 01 chiếc xe ô tô bán tải UAZDA BT50 biển số 73C-12400 với giá 400.000.000 đồng. Ngày 04/2/2021 hai bên làm giấy nhận cọc có nội dung anh Đ có

nhận của anh Nguyễn Xuân H số tiền 200.000.000 đồng để cọc chiếc xe tải UAZDA BT50 biển số 73C - 12400, hai bên thỏa thuận sau hai tháng kể từ ngày 04/2/2021 anh Đ giao xe và anh H sẽ giao hết số tiền còn lại, ngoài ra hai bên không thỏa thuận điều khoản phạt cọc. Tại giấy nhận cọc thể hiện số tiền anh Đ đã nhận của anh H 300.000.000 đồng, tuy nhiên trên thực tế thì anh H chỉ mới giao cho anh Đ 200.000.000 đồng. Khi đến hạn anh H có gọi điện cho anh Đ nhưng anh Đ không nghe máy nên anh H đã trực tiếp ra nhà anh Đ để nhận xe và trả số tiền còn lại thì anh Đ tránh mặt không gặp, sau đó anh Đ gọi điện cho anh H nói không bán xe nữa và hứa sẽ trả số tiền cọc đã nhận 200.000.000 đồng. Đến nay đã hơn một năm nhưng anh Đ vẫn chưa trả lại số tiền trên cho anh H như đã hứa vì vậy anh H yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn Đ trả lại số tiền anh H đã đặt cọc để mua xe 200.000.000 đồng và yêu cầu lãi suất 10%/năm tính từ ngày 25/11/2021 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm là 26/4/2022.

Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi suất 10%/năm/200.000.000đ tính từ ngày 25/11/2021 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm là 26/4/2022 nêu trên và thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc anh Đ định kỳ vào ngày 28 hàng tháng phải trả cho anh số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), mốc thời gian trả đầu tiên là 28/5/2022 cho đến khi trả hết nợ, nếu đến các mốc trả nợ nêu trên mà anh Đ chậm thực hiện nghĩa vụ nói trên thì phải chịu lãi suất 0,83%/tháng tính trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ cố tình không hợp tác với Tòa án, anh Đ đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của tòa án tổng đạt tuy nhiên anh Đ không gửi văn bản phản hồi việc khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp lời khai khi đến trụ sở Tòa án. Việc cấp, gửi Thông báo thụ lý, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Thông báo phiên tòa được thực hiện theo Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng anh Đ cũng không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa anh Đ có đơn xin phép vắng mặt vì lý do công việc gia đình, đồng thời trình bày việc anh còn nợ anh H số tiền 200.000.000đ tiền đặt cọc để mua xe ô tô là đúng và sẽ có trách nhiệm trả nợ cho anh H theo yêu cầu. Tuy nhiên anh Đ xin được trả định kỳ vào ngày 28 hàng tháng 30.000.000đ và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo yêu cầu của anh H cho đến khi trả hết nợ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bó Trách phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, riêng bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các thông báo tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng cố tình vắng

mặt không nêu rõ lý do, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn vắng mặt và có đơn xin vắng mặt hợp lệ cần chấp nhận. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục xét xử theo quy định của pháp luật. Vụ án được xét xử trong thời hạn luật định, Viện Kiểm sát không kiến nghị, khắc phục gì thêm.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 328; Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn anh Nguyễn Văn Đ phải trả lại số tiền cọc đã nhận 200.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm là có cơ sở. Tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi nêu trên và thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc anh Nguyễn Văn Đ định kỳ vào ngày 28 (DL) hàng tháng phải trả cho anh số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), mốc thời gian trả đầu tiên là 28/5/2022, nếu đến các mốc trả nợ nêu trên mà anh Nguyễn Văn Đ chậm thực hiện nghĩa vụ nói trên thì phải chịu lãi suất 0,83%/tháng tính trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề đình chỉ yêu cầu tính lãi đã được nguyên đơn rút và chấp nhận yêu cầu trả lại tiền đặt cọc theo các mốc thời gian đã ấn định của nguyên đơn nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại tiền cọc đã nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”. Nguyên đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc mà bị đơn cư trú tại thôn Thanh Khê, xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều

227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn Đ.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi nêu trên và thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc anh Đ định kỳ vào ngày 28 hàng tháng phải trả cho anh số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), mốc thời gian trả đầu tiên là 28/5/2022, nếu đến các mốc trả nợ nêu trên mà anh Đ chậm thực hiện nghĩa vụ nói trên thì phải chịu lãi suất 0,83%/tháng tính trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, việc thay đổi nội dung khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu cần chấp nhận để xem xét.

Về nội dung vụ án:

[1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Nguyễn Văn Đ trả số tiền cọc đã nhận 200.000.000 đồng. Tài liệu, chứng cứ anh H cung cấp cho Tòa án để chứng minh yêu cầu khởi kiện là Giấy nhận cọc ngày 04/02/2021 được ký kết giữa anh Nguyễn Xuân H và anh Nguyễn Văn Đ có người làm chứng anh Võ Trung H1.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập bị đơn tham gia quá trình tố tụng tại Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã trực tiếp nhận thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố (nếu có) do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy, ngày 04/02/2021 anh Nguyễn Văn Đ có nhận đặt cọc để bán cho anh Nguyễn Xuân H 01 chiếc xe bán tải hiệu UAZDA BT50 biển số 73C - 12400 với giá 400.000.000 đồng. Để đảm bảo cho việc mua bán, hai bên có lập giấy nhận cọc và anh Đ đã nhận số tiền 200.000.000 đồng từ anh H. Nội dung của giấy nhận cọc có thỏa thuận sau hai tháng kể từ ngày 04/02/2021 các bên sẽ tiến hành giao nhận xe tải hiệu UAZDA BT50 biển số 73C - 12400, anh Nguyễn Xuân H sẽ giao số tiền còn lại tuy nhiên đến nay các bên vẫn chưa thực hiện thỏa thuận tại giấy nhận cọc ngày 04/02/2021. Anh H trình bày khi đến hẹn có đến trực tiếp nhà anh Đ để lấy xe trả tiền như đã thỏa thuận nhưng anh Đ tránh mặt không gặp, sau đó anh Đ điện anh H nói không bán xe nữa và hứa sẽ trả lại tiền cọc, nhưng sau đó không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ đã cam kết.

[4] Xét, Giấy nhận cọc ngày 04/02/2021 được lập dựa trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, mục đích và nội dung của thỏa thuận của đặt cọc không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tại thời điểm giao kết nhận cọc các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có người làm chứng là anh Võ Trung H1, căn cứ vào các Điều 117 và Điều 328 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì giấy nhận cọc mua bán xe ký kết ngày 04/02/2021 phát sinh hiệu lực từ thời điểm các

bên ký kết. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh các bên đã thực hiện xong việc thỏa thuận theo giấy nhận cọc ngày 04/02/2021 hoặc các bên đã thỏa thuận hủy hợp đồng đặt cọc và anh Đ đã trả lại một phần hay toàn bộ số tiền cọc đã nhận. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ phải trả số tiền cọc đã nhận 200.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, do anh H không có yêu cầu phạt cọc nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi nêu trên và thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc anh Đ định kỳ vào ngày 28 dương lịch (DL) hàng tháng phải trả cho anh số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), mốc thời gian trả đầu tiên là 28/5/2022, nếu đến các mốc trả nợ nêu trên mà anh Đ chậm thực hiện nghĩa vụ nói trên thì phải chịu lãi suất 0,83%/tháng tính trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội cần chấp nhận để đình chỉ yêu cầu tính lãi đã được nguyên đơn rút và chấp nhận yêu cầu trả lại tiền đặt cọc theo các mốc thời gian đã ấn định của nguyên đơn nêu trên là phù hợp.

[6] Ý kiến phát biểu và lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 328; Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Xuân H đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

[2] Buộc anh Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm phải trả cho anh Nguyễn Xuân H số tiền đặt cọc đã nhận 200.000.000 đồng theo phương thức định kỳ mỗi tháng vào ngày 28 (DL) anh Đ trả cho anh H số tiền 30.000.000đ, mốc thời gian trả nợ đầu tiên là ngày 28/5/2022 cho đến khi trả hết nợ.

Nếu đến các mốc trả nợ nêu trên mà anh Nguyễn Văn Đ chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất 0,83%/tháng tính trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả để trả cho anh Nguyễn Xuân H.

[3] Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất 0,83%/200.000.000đ/tháng tính từ ngày 25/11/2021 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm là 26/4/2022 của anh Nguyễn Xuân H.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Anh Nguyễn Xuân H không phải chịu án phí sơ thẩm, trả lại cho anh H số tiền 7.800.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002535 ngày 10/12/2021.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) đề sung công quỹ nhà nước.

[5] Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/4/2022).

- Bị đơn vắng mặt phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã Thanh Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phú Quảng